

Phụ lục 1

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CÁC ĐIỂM THI
KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /6/2026 của Sở GDĐT)

ĐVT: 1000 đồng

Mã điểm thi	Trường nhận dự toán	Điểm thi	Dự toán điểm thi	Dự toán phân bổ
TỔNG CỘNG			8.283.810	8.283.810
0101	Trường THPT Cẩm Lệ	THCS Đặng Thai Mai - Cẩm Lệ	76.320	229.350
0103		THCS Trần Quý Cáp - Cẩm Lệ	84.750	
0105		THPT Cẩm Lệ	68.280	
0102	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	THCS Nguyễn Thiện Thuật - Hòa Xuân	119.940	333.920
0104		THPT Nguyễn Văn Thoại	78.700	
0801		THCS Nguyễn Văn Linh - Hòa Xuân	69.470	
0802		THCS Nguyễn Hồng Ánh - Hòa Xuân	65.810	
0202	Trường THPT Tôn Thất Tùng	THCS Lý Tự Trọng - Sơn Trà	108.690	194.550
0203		THPT Tôn Thất Tùng	85.860	
0301	Trường THPT Ngô Quyền	THCS Nguyễn Văn Cừ - An Hải	84.590	177.760
0201		THPT Ngô Quyền	93.170	
0303	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	THPT Hoàng Hoa Thám	90.660	183.890
0302		THCS Lê Độ - An Hải	93.230	
0304	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	THPT chuyên Lê Quý Đôn	93.210	93.210
0402	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	THPT Nguyễn Thượng Hiền	84.930	84.930
0403	Trường THPT Liên Chiểu	THPT Liên Chiểu	87.290	87.290
0404	Trường THPT Nguyễn Trãi	THPT Nguyễn Trãi	103.980	197.430
0401		THCS Lương Thế Vinh - Hòa Khánh	93.450	
0501	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	THCS Huỳnh Bá Chánh - Ngũ Hành Sơn	81.130	342.860
0502		Phổ thông Hermann Gmeiner	84.790	
0504		THPT Ngũ Hành Sơn	93.510	
0503		THCS Lê Lợi - Ngũ Hành Sơn	83.430	
0601	Trường THPT Phạm Phú Thứ	THPT Phạm Phú Thứ	105.330	105.330
0701	Trường THPT Ông Ích Khiêm	THPT Ông Ích Khiêm	105.780	105.780
0901	Trường THPT Trần Phú	THCS Kim Đồng - Hải Châu	92.990	205.990
0902		THPT Trần Phú	113.000	
0903	Trường THPT Nguyễn Hiền	THPT Nguyễn Hiền	92.040	92.040
1003	Trường THPT Phan Châu Trinh	THCS Lý Thường Kiệt - Hòa Cường	84.590	554.720
1004		THCS Tây Sơn - Hòa Cường	93.070	
1005		THCS Nguyễn Huệ - Hải Châu	90.770	
1001		THCS Trần Hưng Đạo - Hòa Cường	71.510	
1002		THCS Lê Thị Hồng Gấm - Thanh Khê	88.340	
1006		THPT Phan Châu Trinh	126.440	
1102	Trường THPT Thái Phiên	THCS Huỳnh Thúc Kháng - Thanh Khê	101.270	315.290
1101		THCS Nguyễn Đình Chiểu - An Khê	90.890	
1104		THPT Thái Phiên	123.130	
1105	Trường THPT Thanh Khê	THPT Thanh Khê	89.690	180.580
1103		THCS Phan Đình Phùng - Thanh Khê	90.890	
1201	Trường THPT Duy Tân	THPT Duy Tân	97.790	97.790
1303	Trường THPT Lê Quý Đôn	THCS Lý Tự Trọng - Tam Kỳ	94.640	170.850
1305		THPT Lê Quý Đôn	76.210	
1301	Trường THPT Trần Cao Vân	THCS Lê Hồng Phong - Tam Kỳ	82.460	180.270
1304		THPT Trần Cao Vân	97.810	
1302	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình	THCS Nguyễn Du - Bàn Thạch	96.960	96.960

1306	Khiêm	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	110.200	207.100
1307	Trường THPT Phan Bội Châu	THPT Phan Bội Châu	78.610	78.610
1401	Trường THPT Nguyễn Khuyến	THPT Nguyễn Khuyến	101.830	249.670
1501		THCS Phan Châu Trinh - An Thắng	68.330	
1502		THPT Nguyễn Duy Hiệu	79.510	
1601	Trường THPT Lương Thế Vinh	THCS Võ Như Hưng - Điện Bàn Đông	61.600	142.360
1602		THPT Lương Thế Vinh	80.760	
1701	Trường THPT Hoàng Diệu	THPT Hoàng Diệu	98.780	98.780
1801	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò nổi	THPT Phạm Phú Thứ - Gò nổi	65.520	65.520
1901	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	THPT Quang Trung - Đông Giang	54.800	54.800
2001	Trường THPT Âu Cơ	THPT Âu Cơ	53.950	53.950
2101	Trường THPT Tây Giang	THPT Tây Giang	63.650	63.650
2201	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Nguyễn Văn Trỗi	58.840	58.840
2301	Trường THPT Tô Hữu	THPT Tô Hữu	58.620	58.620
2401	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	THCS Nguyễn Trãi - Đại Lộc	85.670	164.370
2402		THPT Huỳnh Ngọc Huệ	78.700	
2501	Trường THPT Chu Văn An	THPT Chu Văn An	92.570	92.570
2601	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	THPT Đỗ Đăng Tuyển	104.110	104.110
2701	Trường THPT Trần Hưng Đạo	THPT Trần Hưng Đạo	75.910	75.910
2801	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An	THCS Nguyễn Bình Khiêm - Hội An Tây	56.640	149.680
2903		THPT Nguyễn Trãi - Hội An	93.040	
2901	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	THCS Chu Văn An - Hội An Tây	56.640	157.960
2904		THPT chuyên Lê Thánh Tông	101.320	
2902	Trường THPT Trần Quý Cáp	THCS Kim Đồng - Hội An	86.760	186.460
2905		THPT Trần Quý Cáp	99.700	
3002	Trường THPT Núi Thành	THPT Núi Thành	101.380	101.380
3003	Trường THPT Nguyễn Huệ	THPT Nguyễn Huệ	95.700	95.700
3001	Trường THPT Cao Bá Quát	THCS Nguyễn Khuyến - Tam Anh	65.030	155.500
3101		THPT Cao Bá Quát	90.470	
3201	Trường THPT Lý Tự Trọng	THPT Lý Tự Trọng	61.870	61.870
3301	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	THCS Nguyễn Hiền - Thăng An	62.440	131.030
3302		THPT Nguyễn Thái Bình	68.590	
3401	Trường THPT Tiểu La	THPT Tiểu La	85.320	85.320
3402	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	THPT Thái Phiên - Thăng Bình	78.080	78.080
3501	Trường THPT Hùng Vương	THPT Hùng Vương	89.270	89.270
3601	Trường THPT Hồ Nghinh	THPT Hồ Nghinh	89.500	89.500
3701	Trường THPT Sào Nam	THPT Sào Nam	85.790	85.790
3702	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	79.930	79.930
3801	Trường THPT Lê Hồng Phong	THPT Lê Hồng Phong	77.920	77.920
3901	Trường THPT Hiệp Đức	THPT Hiệp Đức	75.560	75.560
4001	Trường THPT Trần Phú - Việt An	THPT Trần Phú - Việt An	71.400	71.400
4101	Trường THPT Nông Sơn	THPT Nông Sơn	69.390	69.390
4201	Trường THPT Khâm Đức	THPT Khâm Đức	87.800	87.800
4301	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	THPT Trần Đại Nghĩa	61.390	61.390
4302	Trường THPT Quế Sơn	THPT Quế Sơn	67.490	67.490
4401	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Nguyễn Văn Cừ	85.600	85.600
4501	Trường THPT Bắc Trà My	THPT Bắc Trà My	81.830	81.830

4502	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	PTDTNT THCS và THPT Nước Oa	72.800	72.800
4601	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	PTDTNT THCS và THPT Nam Trà My	44.730	44.730
4701	Trường THPT Nam Trà My	THPT Nam Trà My	71.290	71.290
4801	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	87.000	87.000
4802	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	THPT Huỳnh Thúc Kháng	82.350	82.350
4901	Trường THPT Nguyễn Dục	THPT Nguyễn Dục	70.880	70.880
4902	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	THPT Võ Nguyên Giáp	59.360	59.360
5001	Trường THPT Trần Văn Dư	THPT Trần Văn Dư	66.800	66.800